

XÂY DỰNG TÌNH HUỐNG CÓ VẤN ĐỀ TRONG DẠY HỌC VIẾT VĂN NGHỊ LUẬN NHẪM PHÁT TRIỂN TƯ DUY PHẢN BIỆN CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

CONSTRUCTING PROBLEMATIC SITUATIONS IN DISCOURSE WRITING TEACHING TO DEVELOP CRITICAL THINKING FOR HIGH-SCHOOL STUDENTS

Hồ Trần Ngọc Oanh*, Trương Như Ý

Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng, Việt Nam¹

*Tác giả liên hệ / Corresponding author: htnoanh@ued.udn.vn

(Nhận bài / Received: 25/02/2023; Sửa bài / Revised: 14/5/2023; Chấp nhận đăng / Accepted: 16/5/2023)

Tóm tắt - Bài báo này trình bày khái niệm và tầm quan trọng của tư duy phản biện (TDPB) trong giáo dục nói chung và trong dạy học viết văn nghị luận nói riêng, từ đó đề xuất cách tiến hành xây dựng tình huống có vấn đề (THCVĐ) trong giờ dạy viết văn nghị luận, lấy học sinh (HS) làm trung tâm, để HS tự do đối thoại nhằm hình thành và phát triển TDPB. Việc quan tâm đến tư duy và kỹ năng phản biện trong dạy học viết văn nghị luận là một cách hiệu quả giúp người học phát triển năng lực ngữ văn. Căn cứ vào chương trình Ngữ văn ở bậc Trung học phổ thông, nhóm tác giả hướng đến việc hình thành TDPB cho HS thông qua mảng văn nghị luận xã hội với một số đề xuất về cách tạo THCVĐ và định hướng cách giải quyết tình huống đó; từ đó hình thành cho giáo viên kỹ năng phát triển chương trình phù hợp với mục tiêu dạy học.

Từ khóa - Tư duy phản biện; tình huống có vấn đề; kỹ năng viết; văn nghị luận; phát triển chương trình

1. Đặt vấn đề

Những nền giáo dục tân tiến đã chú trọng đến việc hình thành và phát triển tư duy phản biện (TDPB) cho học sinh (HS) từ bậc học phổ thông, cho đến đại học, TDPB được tạo dựng thành những môn học chính nhằm giúp người học rèn luyện tư duy trong quá trình tiếp nhận thông tin, kiến thức, phát triển nhận thức. Có thể kể đến những công trình nghiên cứu về TDPB từ sớm của giới nghiên cứu phương Tây như sau: Khởi đầu là công trình nghiên cứu *Critical thinking* của K.B. Beyer năm 1995 với sự trình bày các đặc điểm của người có TDPB; tiếp nối đó, nếu công trình nghiên cứu của Beyer chỉ nhằm chỉ ra những đặc trưng của TDPB, thì Matthew Lipman đã thành công trong việc đào sâu, phân tích cụ thể những những đặc điểm của TDPB [1]. Kế đến là công trình *Cẩm nang tư duy phản biện* và *Cẩm nang tư duy đặt câu hỏi bản chất* của hai nhà nghiên cứu Richard Paul và Linda Elder đã chứng minh về tính trọng yếu của TDPB đối với khoa học và những thành công về phương pháp tư duy phân tích và phản biện [2, 3].

Trong Nghị quyết 29 của TW Đảng về *Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo*, cốt lõi của dạy học được xác định ở đây là sự chuyển tiếp từ tiếp cận tri thức sang tiếp cận năng lực (NL) người học để hình thành kỹ năng tự lĩnh hội tri thức, tạo nên thế hệ con người mới phù hợp với xu thế toàn cầu hóa [4]. Ở Việt Nam, những nghiên cứu về TDPB và cách thức phát triển TDPB cho HS trong môn Ngữ văn được thể hiện các nghiên cứu về tư duy và NL

Abstract - This article presents the concept and importance of critical thinking in education in general and the teaching of essay writing in particular, thereby proposing how to proceed with the construction of problematic situations in the classroom, student-centered essay writing, and encouraging students to freely dialogue to establish and develop critical thinking. Paying attention to critical thinking and skills in teaching essay writing is an effective way helping learners develop their linguistic competence. Based on the linguistic curriculum at the high school level, the authors aim to form critical thinking for students through social discourse in linguistics with some suggestions on how to create a problematic situation and how to solve it; thereby proposing skills to develop suitable curriculum for by teaching goals.

Key words - Critical thinking; problematic situations; writing dissertating essays skills; program development

phản biện của một số tác giả như Bùi Loan Thùy, Bùi Minh Đức, Bùi Ngọc Quân [2, 3, 5].

Trong chương trình giáo dục phổ thông, Ngữ văn là môn học mang tính công cụ và tính thẩm mỹ - nhân văn; giúp HS có phương tiện giao tiếp đồng thời cũng là công cụ quan trọng để giáo dục HS những giá trị cao đẹp về văn hoá, văn học và ngôn ngữ dân tộc; phát triển ở HS những cảm xúc lành mạnh, tình cảm nhân văn, lối sống nhân ái, vị tha. Để theo kịp xu hướng cải tiến giáo dục của toàn cầu, việc hình thành và phát triển NL phản biện cho HS nói chung và phát triển NL phản biện thông qua môn Ngữ văn nói riêng là vô cùng cần thiết. Để xây dựng nền tảng giá trị này, chìa khóa là tổ chức các giờ học viết với các tình huống có vấn đề (THCVĐ), tạo dựng những mặt đối lập, tương phản, những mâu thuẫn có trong các vấn đề đặt ra để khơi gợi sự tò mò, hứng thú trong việc thúc đẩy HS trình bày ý kiến của mình, từ đó tạo ra các cuộc đối thoại, tranh luận giữa tư tưởng người học và tư tưởng vấn đề cũng như giữa tư tưởng của người học này với người học khác. Với những định hướng đó, việc xây dựng THCVĐ trong dạy học Ngữ văn là tiền đề cần thiết để tạo cơ hội cho HS được tự do khám phá, lĩnh hội tri thức, phát triển TDPB (critical thinking) và phát triển NL thẩm mỹ.

Văn nghị luận là kiểu văn bản được dùng để trực tiếp trình bày, bàn bạc ý kiến của mình về những vấn đề có ý nghĩa xã hội đặt ra trong đời sống bằng một hệ thống lập luận chặt chẽ nhằm phát biểu các tư tưởng, quan điểm về

¹ The University of Danang - University of Science and Education, Vietnam (Ho Tran Ngoc Oanh, Trương Như Ý)

vấn đề đặt ra từ đó thuyết phục người đọc, người nghe đồng tình, tin theo tư tưởng, quan điểm đó, hoặc hướng tới giải quyết những vấn đề đặt ra trong đời sống. NL viết văn nghị luận được thể hiện qua các khía cạnh sau: NL phân tích đề, lập ý; NL tạo lập nội dung văn bản; NL trình bày hình thức của một bài văn nghị luận.

Trong nghiên cứu này, với hi vọng hỗ trợ cho giáo viên (GV) trong quá trình phát triển nội dung dạy học, nhóm tác giả tập trung trình bày vai trò, cách thức và quy trình xây dựng tình huống dạy học có vấn đề trong dạy viết văn nghị luận xã hội thông qua việc đặt ra các vấn đề mang tính đối thoại nhằm phát triển TDPB cho người học.

2. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cách tiếp cận

Nghiên cứu được tiến hành dựa trên cách tiếp cận vấn đề theo các hướng sau:

- Tiếp cận lí luận (trong nước và ngoài nước) để làm rõ các vấn đề lí luận liên quan đến TDPB, THCVD trong dạy học nghị luận xã hội; từ đó giải quyết vấn đề về mối liên hệ giữa THCVD trong dạy học viết với việc phát triển TDPB của HS.

- Tiếp cận thực tiễn để thấy được thực trạng dạy viết nghị luận xã hội và khả năng xây dựng tình huống có vấn đề trong dạy học Ngữ văn của GV để từ đó có cơ sở phân tích, đánh giá vai trò của THCVD trong việc phát triển TDPB của HS và xác định những biện pháp, quy trình phù hợp để GV có thể xây dựng được tình huống dạy học có vấn đề phù hợp và đạt được mục tiêu dạy học.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng trong bài là phương pháp phân tích - tổng hợp. Phương pháp này được nhóm tác giả sử dụng để phân tích, tổng hợp, hệ thống các vấn đề có liên quan đã được các nhà khoa học nghiên cứu. Đây là phương pháp giúp nhóm tác giả có cách nhìn tổng quan khi nghiên cứu phương diện lí thuyết, có căn cứ xây dựng và xác lập cơ sở lí luận về các vấn đề cơ bản: (1) THCVD trong dạy học viết văn nghị luận xã hội; (2) vai trò của THCVD trong việc phát triển TDPB của HS. Đây là tiền đề để đề xuất quy trình và cách thức phát triển, xây dựng các THCVD trong dạy học viết văn nghị luận xã hội nhằm phát triển NL TDPB cho HS.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. THCVD trong dạy học viết văn nghị luận xã hội

THCVD được hiểu là những tình huống tạo nên trạng thái tâm lí gặp khó khăn của HS khi đứng trước một nhiệm vụ/bài học; được hình thành trên cơ sở mâu thuẫn giữa cái cũ và cái mới, cái đã biết và chưa biết. Từ đó, rèn luyện thái độ, kĩ năng giải quyết vấn đề, thói quen “hoài nghi khoa học” để nhìn nhận, đánh giá một vấn đề đa diện, khách quan hơn. Như vậy, có thể hiểu THCVD trong dạy học viết văn nghị luận là những tình huống được xây dựng trong dạy học viết để phát triển tính tích cực của HS trong trình bày ý kiến và thuyết phục mọi người bằng quan điểm khoa học của cá nhân mình. “Dạy học nêu vấn đề là hình thức dạy học dựa trên những quy luật của sự lĩnh hội tri thức và cách thức hoạt động một cách sáng tạo bao gồm sự tìm tòi khoa học phát

triển tính tích cực, tính tự lực và NL sáng tạo” [6, tr.41].

THCVD là một trong 3 yếu tố cơ bản và có mối quan hệ biện chứng với các yếu tố còn lại trong phương pháp nêu vấn đề, đó là: Vấn đề (khách quan, nằm trong chính bản thân đối tượng/bài học); câu hỏi nêu vấn đề và THCVD. Điều kiện để thực hiện phương pháp nêu vấn đề là: (1) Nội dung bài học có mâu thuẫn, cần giải quyết; (2) HS sẵn sàng, tự nguyện tiếp nhận và giải quyết tình huống; (3) Điều kiện, kĩ năng, kiến thức đã có sẵn... nhưng chưa giải quyết tình huống được ngay mà buộc HS phải trải qua quá trình tư duy. THCVD trong dạy học viết văn nghị luận xã hội được phân loại dựa vào thao tác tư duy để giải quyết tình huống, có thể gồm các kiểu tình huống sau: Tình huống lựa chọn; tình huống giải thích; tình huống giả định; tình huống mâu thuẫn, nghịch lí.

Như vậy, THCVD trong dạy học viết văn nghị luận là những tình huống được đặt ra bắt buộc HS phải có quá trình tư duy trước và trong quá trình tạo lập văn bản; để từ đó có thể trình bày quan điểm, thuyết phục mọi người về một vấn đề nào đó. Viết là quá trình HS vừa rèn luyện kĩ năng viết vừa thể hiện suy nghĩ, chính kiến cá nhân của mình. So với việc dạy đọc văn bản, việc vận dụng các THCVD vào dạy kĩ năng viết sẽ giúp HS phát triển tốt TDPB khi giải quyết các nhiệm vụ học tập có vấn đề mà GV đưa ra.

Việc sử dụng THCVD trong dạy học nói chung và dạy học viết văn nghị luận nói riêng là sẽ tích cực hóa quá trình tư duy sáng tạo, hình thành NL giải quyết vấn đề; kích thích TDPB, nhu cầu đối thoại của HS để cùng giải quyết vấn đề được đặt ra; nâng cao khả năng vận dụng tổng hợp kiến thức, kĩ năng để giải quyết vấn đề; đồng thời người học biết nhận thức vấn đề một cách đa dạng, đa chiều.

Xây dựng các THCVD trong dạy học Ngữ văn là điều thiết yếu và về cơ bản là hoàn toàn hợp lí, bởi lẽ đặc thù của văn học là khơi gợi nhiều liên tưởng, suy ngẫm cho người đọc trong quá trình tiếp nhận. Hơn nữa, với mảng nghị luận xã hội, các vấn đề đời sống hoặc tư tưởng đạo lí với tính chất gần gũi, thân thuộc, nhưng ẩn chứa nhiều chiều hướng để người học có thể lựa chọn tiếp cận chính là nền tảng để tổ chức các cuộc đối thoại khoa học, trình bày ý kiến để người học có thể tự do tư duy và thể hiện tư duy của mình.

3.2. Vai trò của THCVD trong dạy viết văn nghị luận đối với việc phát triển TDPB của HS

TDPB được dịch từ thuật ngữ tiếng Anh *critical thinking*, chỉ sự bao quát chung về tính đa chiều, đối thoại, phản biện giữa các lập trường về một vấn đề. Trong giáo dục có thể định nghĩa TDPB là một loại hình tư duy biện chứng với sự tiếp cận, phân tích, đánh giá một vấn đề dưới nhiều góc độ, quan điểm, tư tưởng khác nhau nhằm làm sáng tỏ, chứng minh tính xác đáng của vấn đề đó. Quá trình này đòi hỏi các chủ thể tư duy phải thành thạo các kĩ năng điều tra, phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát hóa để đánh giá, đưa ra quyết định và giải quyết thành công các vấn đề. Như vậy, có thể hiểu TDPB là một loại hình tư duy phân tích, xem xét lại những thông tin về một vấn đề nào đó theo quan điểm, chính kiến của chủ thể nhằm đánh giá một kết quả nhận thức.

Một người có NL TDPB là người có NL tiếp nhận thông tin, NL xử lí thông tin, NL đánh giá hoặc phản bác lại kết quả của quá trình tư duy khác, NL phát hiện vấn đề mới trong

quá trình tiếp nhận, xử lý và xác định tính chính xác của thông tin. Những người có NL TDPB thường là người muốn tự mình khám phá, nảy sinh nhiều câu hỏi hơn là học thụ động; bộc lộ rõ chính kiến và không dễ dàng chấp nhận ngay một nhận định hay một kết luận nào đó; sẵn sàng chấp nhận cái mới cũng như những quan điểm ngược với ý kiến của mình nhưng hợp lý, có căn cứ khoa học.

Trong chương trình Ngữ văn THPT, yêu cầu đối việc hình thành và phát triển TDPB cho HS là cần thiết nhưng tương đối chỉ cần đáp ứng ở mặt cơ bản của những biểu hiện về TDPB là biết cách trình bày quan điểm của mình thật logic, biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến từ các tư tưởng khác, và biết phân tích quan điểm của đối phương nhằm tìm ra những điểm có thể đối thoại, tranh luận để làm sáng tỏ, chính xác vấn đề. Ở kĩ năng viết văn nghị luận xã hội, HS cần đáp ứng được yêu cầu nhận thức đúng trọng tâm vấn đề đặt ra, có thể tự tin tiếp cận đề lí giải, chứng minh vấn đề theo quan điểm của mình, biết nhận ra những lỗ hổng còn tồn tại trong vấn đề để phản đề, làm rõ, biết cách đưa ra các lập luận xác đáng, diễn đạt trôi chảy, không lan man, dài dòng, lạc đề. Trong quá trình học tập và rèn luyện viết văn nghị luận xã hội, HS đồng thời rèn được TDPB và tạo dựng được cho mình NL tự chủ, tự học, giao tiếp – đối thoại, khả năng làm việc nhóm. Đó chính là những kĩ năng cần thiết không chỉ trong môi trường học đường mà còn cho môi trường làm việc, giao tiếp xã hội về sau.

Xây dựng THCVĐ, GV phải có khả năng khơi dậy sự ham thích học hỏi, lắng nghe, sự chủ động trong tiếp nhận và chọn lọc thông tin, thái độ tích cực, bình tĩnh trong việc đối mặt với các mâu thuẫn để giải quyết vấn đề thật khoa học. Như vậy, GV phải hướng HS đến việc hình thành và rèn luyện kĩ năng tự học, tự khám phá, tự đánh giá, tự vượt qua được những khó khăn để thu được kiến thức và kinh nghiệm cho bản thân. Từ đó, thông qua quá trình giải quyết những tình huống học tập được đề xuất mà phát triển NL, TDPB của bản thân. Như vậy, có thể khẳng định THCVĐ trong dạy viết văn nghị luận xã hội có vai trò hỗ trợ rất nhiều để HS phát triển TDPB.

Do đó, khi xây dựng THCVĐ trong dạy viết văn nghị luận xã hội, GV cần lưu ý: (1) Khuyến khích HS tích cực tham gia huy động tri thức nền và giải quyết vấn đề; (2) Xác định mức độ giải quyết vấn đề phù hợp với đối tượng HS. Theo đó:

- + Mức 1: GV nêu vấn đề, định hướng các cách giải quyết vấn đề, HS lựa chọn giải pháp, GV và HS đánh giá.
- + Mức 2: GV nêu vấn đề, HS đề xuất giải pháp, lựa chọn giải pháp, GV và HS cùng đánh giá.
- + Mức 3: GV gợi ý vấn đề, HS nhận diện vấn đề, đề xuất giải pháp, lựa chọn giải pháp, HS đánh giá.
- + Mức 4: HS nêu vấn đề, đề xuất và lựa chọn giải pháp, đánh giá.

3.3. Xây dựng THCVĐ trong dạy học Viết văn nghị luận ở chương trình Ngữ văn bậc Trung học phổ thông

3.3.1. Quy trình xây dựng và sử dụng THCVĐ trong dạy học viết văn nghị luận

a. Xây dựng THCVĐ

Bước 1: Xác định mục tiêu bài dạy

Bước đầu cần có khi lên kế hoạch bài dạy là phải xác

định rõ mục tiêu mà bài học hướng đến bao gồm phẩm chất và NL chung và NL đặc thù cần hình thành cho HS. Từ đó lên kế hoạch cho các hoạt động dạy học thích hợp trong việc hướng đến các mục tiêu đã được đặt ra sẵn đó. Cần chú ý dẫn dắt và kiểm soát các hoạt động và cho HS trình bày bài viết, thảo luận, góp ý để tránh rơi vào tình trạng lan man, dài dòng.

Thứ hai là cần kiểm soát về vấn đề thời gian, dung lượng bài dạy và mặt bằng chung của HS. Tùy vào từng trường hợp, điều kiện cơ sở vật chất, chất lượng của HS mà thiết kế hệ thống câu hỏi, THCVĐ phù hợp.

Bước 2: Chuẩn bị tình huống

Ở bước này, nội dung của vấn đề được đặt ra cần được chuẩn bị kĩ lưỡng để xây dựng nên THCVĐ. Đối với mảng nghị luận xã hội trong môn Ngữ văn, nhìn chung các vấn đề thường có khả năng có thể tiếp cận từ nhiều hướng, gợi lên nhiều quan điểm, ý kiến từ phía HS khi mỗi người là một cá tính, mỗi tâm nhận thức, hiểu biết, và mỗi một lựa chọn ứng xử khác nhau. Vậy nên, khi xây dựng THCVĐ, GV có thể hướng đến các mặt sau:

- Liên hệ với thực trạng xã hội hiện nay với những áp lực dồn lên con người, làm con người cũng phải chịu tác động biến đổi để thích nghi với xã hội;
- Phân tích những mâu thuẫn, góc nhìn đa diện về vấn đề được đặt ra;
- Phân tích những điểm còn chưa hợp lí, chưa chuẩn xác hoàn toàn của vấn đề, hoặc mở rộng vấn đề để thấy sức bao trùm của vấn đề.

THCVĐ có thể được thể hiện dưới hình thức sau:

- Câu hỏi có vấn đề;
- Câu chuyện có tình huống.

b. Tiến trình tổ chức lên lớp

Hoạt động dạy học này chủ trương lấy người học làm trung tâm để nhằm phát triển TDPB của HS, cho nên các hoạt động cũng đa phần là GV định hướng, thiết kế các nhiệm vụ, chuyên giao nhiệm vụ học tập cho HS và “làm trọng tài” trong quá trình HS đối thoại, trình bày các quan điểm, lập luận, niềm tin của mình để thuyết phục và phản biện đối phương về vấn đề được đặt ra trong đề bài.

Bước 1: Trình bày THCVĐ.

Bước 2: Cho HS nhận thức, phân tích về các mặt của vấn đề ở mức cơ bản.

Bước 3: Thống kê lại các nhận thức của HS về vấn đề, tiến hành đánh giá và chuẩn hóa các quan điểm mà HS đưa ra.

Bước 4: Cho HS lựa chọn quan điểm mà mình tin tưởng, chia theo nhóm các HS lựa chọn quan điểm nào, cho thời gian để HS thảo luận theo nhóm và trình bày ý tưởng thành bài văn/ đoạn văn.

Bước 5: Cho HS các nhóm lần lượt trình bày sản phẩm của mình cho cả lớp, sau đó tiến hành phân tích các lập luận để tranh luận.

Bước 6: Sau khi các nhóm đã trình bày hết các ý tưởng tranh luận, giáo viên tiến hành chốt ý theo hệ thống, đánh giá các mặt của vấn đề.

3.3.2. Một số THCVĐ trong dạy học VIẾT văn nghị luận để phát triển TDPB cho HS

Để làm rõ cho quan điểm xây dựng giờ học Ngữ văn với các THCVĐ để phát triển TDPB cho HS, nhóm tác giả đã tiến hành xây dựng một số tình huống dạy học có vấn đề trong dạy học Viết văn nghị luận cho HS. Phạm vi là văn nghị luận xã hội với hai mảng chính là nghị luận về một tư tưởng đạo lý và nghị luận về một hiện tượng đời sống. Bên cạnh việc sử dụng các đề văn được viết dẫn trong sách giáo khoa Ngữ văn bản THPT, nhóm tác giả còn đề xuất thêm một số đề văn khác mang tính đối thoại, mở rộng cao để tạo môi trường đối thoại, tranh luận, phát triển TDPB cho HS. Ở mỗi dạng đề, nhóm tác giả sẽ đề xuất tầm 2 – 3 đề văn mang vấn đề cần được đối thoại.

a. Nghị luận về một hiện tượng đời sống

Đề bài 1: *Anh/ chị hãy trình bày suy nghĩ của mình về “bệnh vô cảm” trong xã hội hiện nay.*

- Nhận định về vấn đề “bệnh vô cảm” là một “căn bệnh” vô hình đang hiện diện trong đời sống xã hội và là biểu hiện của sự tha hóa, xuống cấp đạo đức trong con người.

- Định hướng giải quyết của GV: Khẳng định “bệnh vô cảm” mang lại nhiều tác hại đối với đời sống con người, gieo nên những bi kịch, éo le từ sự lạnh lùng, lãnh cảm của con người trước nỗi đau của đồng loại. Tuy nhiên, với hiện trạng xã hội hiện nay, có những tình trạng lợi dụng lòng trắc ẩn của người khác, trục lợi dựa trên lòng tốt của mọi người đã làm con người sợ hãi mà cảnh giác, từ đó trở thành một nguyên nhân của sự vô cảm trong cách ứng xử của mọi người. Như vậy, ta cần phải tỉnh táo xem xét hành động bị cho là “vô cảm” của một ai đó, liệu có phải thực sự là vô tâm, ích kỷ hay chỉ là một sự tự vệ trước những điều còn nhiều nghi hoặc, bởi “một niềm tin không có sự nghi ngờ là một niềm tin đã chết”.

Đề bài 2: *Sau hành động cứu cháu bé 2 tuổi rơi từ tầng 12 của chung cư, anh Nguyễn Ngọc Mạnh đã được mọi người tung hô là “anh hùng”. Nhưng anh Mạnh thẳng thắn chia sẻ: “Tôi sẽ trở về với cuộc sống, công việc thường ngày của mình. Phần đầu luôn trở thành một công dân có ích cho xã hội, một người cha, người chồng tốt của gia đình là điều còn quan trọng hơn sự nổi tiếng”* (dẫn theo <http://www.qdnd.vn/da-phuong-tien/longform/nguoi-lai-xe-thien-lanh-va-phut-giay-huyen-dieu-lam-cam-phuc-trieu-trai-tim-653030>).

Từ thông tin bài báo, anh/ chị có suy nghĩ gì về việc “có những điều còn quan trọng hơn sự nổi tiếng”?

- Nhận định vấn đề này HS cần nhận ra đề bài này đã có sự giao thoa giữa dạng “hiện tượng đời sống” và “tư tưởng đạo lý”. Ở đây, vấn đề được đặt ra để đối thoại có thể đề xuất là “Vậy phải chăng, sống ở trên đời con người không cần đến sự nổi tiếng bởi sự nổi tiếng không mang lại một ích lợi gì cho những chân giá trị như gia đình, đạo đức, tình yêu thương?”.

Định hướng giải quyết vấn đề của GV: Đồng ý rằng con người có thể sống mà không cần sự nổi tiếng bởi không phải ai sống trên đời cũng nhận được ánh hào quang, được mọi người biết đến, quan tâm đến, và có nhiều những giá trị trong đời như tình yêu, tình bạn, gia đình,... là “quả ngọt” để nuôi dưỡng tâm hồn con người, như nhân vật

Nguyễn Ngọc Mạnh được nhắc đến trong đề bài. Tuy nhiên, phản đối về sau của ý kiến, “bởi sự nổi tiếng không mang lại một ích lợi gì cho những chân giá trị như gia đình, đạo đức, tình yêu thương”. Có thể lập luận như sau:

Con người có thể sống mà không cần đến sự nổi tiếng, nhưng không có nghĩa là sự nổi tiếng nằm ngoài rìa của những chân giá trị trong đời người. Đôi khi, sự nổi tiếng được vận dụng hợp lý có thể là điểm tựa để phát triển những chân giá trị, lấy dẫn chứng là hiện tượng ca sĩ Thùy Tiên đã kết hợp uy tín của mình, sự nổi tiếng trong môi trường nghệ thuật và giới nghệ sĩ để kêu gọi ủng hộ cho đồng bào miền Trung trong đợt bão lũ vừa rồi và đã thành công trong việc cứu trợ những phận đời cực khổ ở vùng lũ. Giả sử đối với những cá nhân không nổi tiếng đi kêu gọi đóng góp, thì sự đóng góp vẫn rất quý giá, tuy nhiên sức lan tỏa và kêu gọi được những đồng bào lòng hảo tâm từ mọi người chắc chắn sẽ không được như ca sĩ Thùy Tiên. Như vậy có thể thấy, lập luận “sự nổi tiếng không mang lại một lợi ích gì cho những chân giá trị” là cực đoan, chưa thấu đáo.

- Nhận định về vấn đề có ý kiến cho rằng, giữa sự nổi tiếng và những chân giá trị của cuộc sống thường ngày không thể đi chung, cụ thể là những ai nổi tiếng không thể có được hạnh phúc đời thường vì quá mãi mê vun vén cho sự nổi tiếng của mình, và những ai muốn gạt hái những hạnh phúc đời thường thì không thể nổi tiếng được.

Định hướng giải quyết vấn đề của GV: Phản bác quan điểm này, với hai lí do: thứ nhất là trường giá trị của nổi tiếng và hạnh phúc đời thường không thể đem ra so sánh, bởi mỗi giá trị đóng một vai trò riêng trong cuộc sống; miễn là ta biết cân bằng, biết đâu là giới hạn, đừng để những tham vọng, dục vọng về sự nổi tiếng làm ta lãng quên, bỏ rơi những giá trị đời thường giản dị mà thiêng liêng.

b. Nghị luận về một tư tưởng đạo lý

Đề bài 1: *“Các vì sao không phải để tôn thờ mà là để chinh phục”* (K. E. Tsiolkovsky)

Anh/ chị có suy nghĩ gì về việc chinh phục những ước mơ trong đời.

- Nhận định về vấn đề, câu hỏi được đặt ra là “Vậy ước mơ có giới hạn không? Và nếu có thì đâu là giới hạn của ước mơ?”

Định hướng giải quyết của GV: Người ta thường cho rằng ước mơ là không có giới hạn, và một khi bản thân thực sự mong cầu, cố gắng thực hiện ước mơ thì nhất định ước mơ sẽ thành hiện thực. Tuy nhiên, đó chỉ là một cách nói cho thật hoàn hảo để cổ vũ tinh thần phần đầu của con người. Thực tế, mọi thứ trên đời đều có giới hạn của nó. Giới hạn của ước mơ là đạo đức vì nếu ước mơ ấy đi ngược lại với lợi ích, giới hạn nhân cách, nhân đạo thì ước mơ ấy cũng không được phép tồn tại.

Đề bài 2: *“Trên đời này chỉ có một thứ duy nhất quý giá là tình yêu thương”* (Victor Hugo)

Suy nghĩ của anh/ chị về tình yêu thương.

+ Nhận định về vấn đề khi bàn về giá trị của tình yêu thương đã có sự khẳng định độc tôn vị trí của nó, vậy kỉ thực trong cuộc sống, tình yêu thương mặc nhiên được xem là chân giá trị to lớn nhất của con người chẳng?

Định hướng giải quyết của GV: Phản bác ở khía cạnh “một thứ duy nhất quý giá là tình yêu thương”, bởi tình yêu thương là một trong những thứ quý giá, chứ không phải là thứ duy nhất quý giá. Nói “chỉ có một thứ duy nhất quý giá là tình yêu thương” là phủ nhận những giá trị khác trong cuộc sống, đó là một sự cực đoan trong tư tưởng bởi bên cạnh tình yêu thương còn có cả lòng trung thực, bản lĩnh, lòng hi sinh – những giá trị cũng cao quý không kém.

+ Nhận định đâu là giới hạn của tình yêu thương?

Định hướng giải quyết của GV: tình yêu thương chỉ có giá trị khi tình yêu thương đi kèm với sự hiểu biết. Sự hiểu biết ở đây là về tri thức ứng xử để có thể thể hiện tình yêu thương đúng đắn và thật nhân văn. Để yêu thương thì cần có một trái tim nóng, nhưng biết yêu thương thì cần một cái đầu lạnh và một nhân cách. Tình yêu thương không được vượt quá giới hạn của đạo đức, không được đi liền với những sự thỏa hiệp, bao che mà vẫn bị nhầm tưởng là sự bảo vệ đối với những người mà ta yêu thương. Bởi nếu điều đó xảy ra, đó chính là sự xúc phạm đối với sự thuần khiết, thiêng liêng của tình yêu thương chân chính.

4. Kết luận

Từ việc trình bày những điểm chính yếu về tầm quan trọng, vai trò của THCVD trong việc phát triển TDPB cũng như đề xuất quy trình xây dựng tình huống và một số ví dụ cụ thể, nhóm tác giả hi vọng đã có thể cung cấp và làm rõ về tính thiết yếu của việc chuyển đổi phương pháp dạy học thuần truyền thống thiêng truyền tải kiến thức sang kết hợp

dạy học nêu vấn đề để phát triển TDPB cho HS qua rèn kỹ năng viết văn nghị luận. Trong phạm vi của bài viết, nhóm tác giả chỉ dừng lại ở việc đưa ra các THCVD trong dạy học Viết văn nghị luận xã hội và phân tích định hướng giải quyết của GV về tình huống ấy. Việc tổ chức các hoạt động học tập, thiết kế và chuyển giao nhiệm vụ cho HS theo đúng quy trình tổ chức hoạt động dạy học để phát triển NL TDPB trong viết văn nghị luận sẽ được nhóm tác giả phân tích kỹ hơn trong bài viết tiếp theo.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Đại học Đà Nẵng trong đề tài có mã số B2020-DN03-51.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] L. T. H. C. Giang, *Critical thinking*, Institute for Educational Research, Hanoi, 2011.
- [2] Lecne, *Teaching raises problems (translator: Pham Tat Duc)*. Vietnam Education Publishing House, Hanoi, 1997.
- [3] B. N. Quan, “Some issues about developing critical thinking capacity of current university students”, *Journal of Science - HNUE*, Vol. 62, no. 4, pp. 165-173, 2017.
- [4] Ministry of Education and Training, *General general education program - Literature program*, Circular No. 32/2018/TT-BGDĐT, 2018.
- [5] B. M. Duc, “Competencies and the problem of classifying competencies in current research”, *Vietnam Journal of Education*, vol. 306, pp. 28-30, 2013.
- [6] N. N. Bao, *Promoting students' positivity and self-reliance in the teaching process*, Vietnam Education Publishing House, Hanoi, 1995.